

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024.

(Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đà Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan**

Bà **Vũ Thị Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thái Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Ước**
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1992

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 10, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở: Khu Thủy Sản, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh **Phạm Như V**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 10, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở: Khu Thủy Sản, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị **Đỗ Thị T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị T** và anh **Phạm Như V** đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là phường Q), thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2011. Quá trình chung

sống vợ chồng mâu thuẫn từ đầu tháng 5 năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V ghen tuông dẫn đến bạo lực gia đình nhiều lần. Chị T đã từng nộp đơn ly hôn được Tòa án thụ lý đang giải quyết thì chị rút đơn do sợ con bị ảnh hưởng từ việc ly hôn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về anh V vẫn tiếp tục đánh đập chị, không tu chí làm ăn, không chu cấp nuôi con, hay uống rượu say không làm chủ được bản thân. Đến nay chị T không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Như V.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012 và Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con, chưa yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con vì thực tế khi chung sống anh V không đưa tiền cho chị nuôi con.

Công việc hiện tại của chị T là kinh doanh buôn bán tại chợ, thu nhập trung bình một tháng từ 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng đến 18.000.000 (*mười tám triệu*) đồng /tháng, hoàn toàn đảm bảo để nuôi hai con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh V xác nhận chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị xác nhận không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T đề nghị giải quyết án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Như V:

Anh Phạm Như V đã được Tòa án triệu tập, giao văn bản tố tụng hợp lệ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024 anh V xác nhận có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị T, anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trông nom chăm sóc giáo dục nhưng không đồng ý thỏa thuận thuận tình ly hôn với chị T mà để Tòa án xét xử, không đồng ý đến Tòa án tham gia giải quyết. Do đó, Tòa án ghi được lời khai nhưng do anh vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để anh V biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường P nơi anh Phạm Như V cư trú. Kết quả xác minh cho thấy: Anh Phạm Như V có đăng ký thường trú tại tổ A, phường P và có chỗ ở tại địa chỉ khu T, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú - khu T, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đại diện khu dân cư cho biết chị Đỗ Thị T và anh Phạm Như V đã đăng ký kết hôn hợp pháp. Từ sau khi kết hôn, chị T và anh V chung sống với nhau tại khu T, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hai vợ chồng chị T và anh V mâu thuẫn khoảng hơn 1 năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nghi ngờ nhau việc chị T ngoại tình, anh V hay uống rượu say và bạo lực đánh chị T. Vấn đề bạo lực gia đình chị T đã vài lần báo chính quyền địa phương, chị T đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án và rút đơn về. Khu dân cư cũng nhiều lần hòa giải

nhưng vẫn mâu thuẫn. Anh chị có hai con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012, Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017. Khi nhận được văn bản của Tòa án anh V vẫn nói là để chị T nuôi cả hai con. Khu dân cư không biết cụ thể về tài sản chung và công nợ chung của anh V và chị T. Các giấy tờ Tòa án giao cho anh V có sự chứng kiến của đại diện khu dân cư, anh V đều nhận đầy đủ.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của con là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012, con có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

- Về tố tụng : Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T; xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Phạm Như V.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012 và Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Đỗ Thị T chưa yêu cầu anh Phạm Như V cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh V.

Về tài sản chung: Chị T khai chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về công nợ chung: Chị T khai không có, không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 buộc chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng. Việc giải quyết, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng đã bảo đảm các quy định tại Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 210; Điều 227, 228, 238, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng là các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã bảo đảm đúng các quy định tại Điều 173, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự về cấp, tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, hiệ hoãn phiên tòa lần thứ nhất cũng đã bảo đảm quy định tại Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm quyền được tham gia tố tụng của bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Như V khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là phường Q), thành phố H, tỉnh Hòa Bình, đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 9 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa Đỗ Thị T và anh Phạm Như V được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng không có lòng tin vào sự chung thủy trong hôn nhân, dẫn đến bạo lực gia đình, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và nghĩa vụ đối với con chung. Thực tế vợ chồng đã ly thân kéo dài nhiều tháng, anh V không đến Tòa án để tham gia hòa giải cho thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần đến nhà giao văn bản và gặp anh Phạm Như V đề cập về việc chị T yêu cầu ly hôn, Tòa án yêu cầu anh V đến Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng anh V không tham gia hòa giải, không có hành động muốn hàn gắn tình cảm, anh cũng thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn, đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý thỏa thuận tình ly hôn, anh vắng mặt nhiều lần không có lý do, không hợp tác, do vậy chị T phải đề nghị giải quyết ly hôn đơn phương theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Như V đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Nguyên nhân ly hôn có nguyên nhân bạo lực gia đình. Mặt khác, anh V biết việc chị T nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không đến

Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ anh V cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T đối với anh Phạm Như V là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Như V có 02 (hai) con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012 và Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017. Chị Đỗ Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật và chưa yêu cầu anh Phạm Như V cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Xét thấy con Phạm Hải N có nguyện vọng được ở với mẹ, con Phạm Duy K còn nhỏ, cũng rất cần sự chăm sóc và gần gũi của người mẹ, hiện các con vẫn đang ở với mẹ. Anh Phạm Như V cũng thể hiện muốn giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị T có công việc kinh doanh tại chợ, thu nhập đảm bảo từ khoảng 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng đến 18.000.000 (*mười tám triệu*) đồng và chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con. Nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định cuộc sống của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012 và Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị T có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con và chưa yêu cầu cấp dưỡng. Nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Như V.

[3] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T, anh Phạm Như V chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Chị Đỗ Thị T, anh Phạm Như V khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238, 254; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Như V.

Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Phạm Như V.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 22/7/2012 và Phạm Duy K, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị T chưa yêu cầu anh Phạm Như V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Như V.

Anh Phạm Như V được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000443 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình chuyển thành án phí cho chị Đỗ Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Như V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Hòa Bình;
- UBND phường Quỳnh Lâm (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Đà Giang

